ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13/2021/QĐ-UBND	*Đồng Tháp, ngày 23 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020 - 2024)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh Bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Công văn số 148/HĐND-KTNS ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc điều chỉnh, bổ sung bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020-2024);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020 - 2024) như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 3 như sau:

"a) Thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc, thành phố Hồng Ngự: đất nằm trong phạm vi các phường, ấp 1 xã Mỹ Tân (thuộc thành phố Cao Lãnh) và đất trong phạm vi 100 mét được tính từ mép đường hiện trạng của các đường có tên được quy định tại khoản 3 Điều 10 Quy định này trên địa bàn thành phố Cao Lãnh và thành phố Sa Đéc, thành phố Hồng Ngự."

2. Bổ sung khoản 8 Điều 5 như sau:

"Việc xác định giá đất ở theo các quy định tại Điều 7 và Điều 8 nếu thấp hơn giá đất tối thiểu quy định tại khoản 2 và khoản 3 của Điều 10 của Quy định này thì được tính bằng mức giá đất tối thiểu."

3. Sửa đổi điểm b, khoản 2 Điều 7 như sau:

"b) Khu vực 2:

Đất khu vực 2 là đất ở nằm trong phạm vi 200 mét (được tính từ mép đường hiện trạng) của các đường giao thông đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đất ở khu vực 2 được phân chia thành 4 loại lộ và 3 vị trí đất như sau:

Phân loại lộ:

- Trục giao thông chính, đường huyện: được chia thành 02 loại lộ, được xác định từ lộ loại 1 đến lộ loại 2 tùy theo khả năng sinh lợi và điều kiện cơ sở hạ tầng.

- Các đường huyện còn lại: được chia thành 2 loại lộ, được xác định từ lộ loại 3 đến lộ loại 4 tùy theo khả năng sinh lợi và điều kiện cơ sở hạ tầng.

Phân vị trí:

Được phân thành 3 vị trí như đối với đất khu vực 1 quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này."

4. Sửa đổi khoản 1 Điều 8 như sau:

"1. Phân loại đô thị

Đất đô thị loại II là đất thuộc thành phố Cao Lãnh, Sa Đéc; đất đô thị loại III là đất thuộc thành phố Hồng Ngự; đất đô thị loại IV là đất thuộc thị trấn Mỹ An (huyện Tháp Mười), thị trấn Lấp Vò (huyện Lấp Vò), thị trấn Mỹ Thọ (huyện Cao Lãnh), đất ở tại đô thị loại II, III, IV được xác định tối đa là 5 loại đường và 3 vị trí đất; đất đô thị loại V là đất thuộc các thị trấn của các huyện còn lại, đất ở tại đô thị loại V được xác định tối đa là 4 loại đường và 3 vị trí đất."

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 Điều 9 như sau:

"1. Bảng giá đất xây dựng trụ sở cơ quan; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất xây dựng công trình sự nghiệp của nhà nước, ngoài công lập; đất thương mại dịch vụ - kết hợp cao ốc văn phòng, chung cư thì giá đất áp dụng bằng giá đất ở cùng khu vực, cùng vị trí. Trường hợp đất xây dựng công trình sự nghiệp của nhà nước, ngoài công lập được nhà nước cho thuê thì giá đất bằng 60% giá đất ở cùng khu vực, cùng vị trí và áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

4. Bảng giá đất sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là thương mại dịch vụ thì giá đất áp dụng bằng 60% giá đất ở cùng khu vực, cùng vị trí; trường hợp có mục đích thương mại dịch vụ thì giá đất áp dụng bằng 80% giá đất ở cùng khu vực, cùng vị trí."

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

"1. Bảng giá đất nông nghiệp (ban hành kèm theo tại Phụ lục số 01).

2. Bảng giá đất ở tại nông thôn (ban hành kèm theo tại Phụ lục số 02).

3. Bảng giá đất ở tại đô thị (ban hành kèm theo tại Phụ lục số 03).

4. Bảng giá đất khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp (ban hành kèm theo tại Phụ lục số 04)."

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số nội dung của Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020 - 2024) ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

1. Thay thế Phụ lục số 01, Phụ lục số 02, Phụ lục số 03, Phụ lục số 04.

2. Bãi bỏ Điều 12.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2021.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT/TU, TT HĐND Tỉnh;
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Tỉnh;
- Các ban Đảng và đoàn thể Tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo Tỉnh;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- Lưu VT, NC/KT-tuan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Trí Quang